

Số: 1475/ĐHSPHN-SDH
V/v nhập học nghiên cứu sinh năm 2022

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2022

Kính gửi:

Cơ quan công tác:

Căn cứ theo kết quả xét tuyển nghiên cứu sinh (NCS) đợt 2 - K42 năm 2022, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội thông báo kế hoạch nhập học như sau:

Thời gian nhận hồ sơ nhập học (theo dấu bưu điện) đến hết ngày 18 tháng 11 năm 2022.

I. Hồ sơ nhập học như sau:

1.1 Hồ sơ đăng ký nhập học:

a) Quyết định cử đi học của cơ quan NCS đang công tác, trong Quyết định ghi rõ nếu thuộc diện đi học theo Đề án 89 (đối với NCS thuộc đối tượng cơ quan cử đi học).

b) Kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa, được cán bộ hướng dẫn NCS thông qua và ký xác nhận.

c) Bản cam kết hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu và bảo vệ luận án đúng thời gian quy định.

d) Bản photo minh chứng nộp kinh phí đào tạo năm thứ nhất qua tài khoản.

1.2 Hồ sơ khi đăng ký dự tuyển (những danh mục hồ sơ đã nộp trực tuyến):

TT	Danh mục hồ sơ dự tuyển	Hồ sơ dự tuyển không theo Đề án	Hồ sơ dự tuyển theo Đề án 89
1	Phiếu đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh (Mẫu (**)).	X	X
2	Bản sao có công chứng: bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học; bằng thạc sĩ và bằng điểm cao học.	X	X
3	Sơ yếu lý lịch có dán ảnh (4x6) và được xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú.	X	X
4	Công văn giới thiệu đi dự tuyển NCS của thủ trưởng cơ quan quản lý đối với những người đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị nhà nước và ngoài nhà nước.	X	
5	Công văn cử đi dự tuyển của cơ sở cử đi học nghiên cứu sinh, nơi giảng viên đang làm việc hoặc nơi thỏa thuận tiếp nhận làm giảng viên sau khi tốt nghiệp (nếu dự tuyển theo Đề án 89).		X
6	Bản cam kết quay về làm việc tại cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam sau khi tốt nghiệp; những người chưa phải là giảng viên phải có thỏa thuận ký với một cơ sở giáo dục đại học Việt Nam về việc tiếp nhận làm giảng viên của cơ sở đó sau khi tốt nghiệp (nếu dự tuyển theo Đề án 89);		X

TT	Danh mục hồ sơ dự tuyển	Hồ sơ dự tuyển không theo Đề án	Hồ sơ dự tuyển theo Đề án 89
7	Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa (có giá trị không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ trực tuyến).	X	X
8	Bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động dài hạn chờ tuyển dụng để chứng nhận thời gian thâm niên công tác.	X	X
9	Hai thư giới thiệu của 02 nhà khoa học (mỗi thư 02 bản gốc).	X	X
10	Một bộ danh mục cùng bản sao chụp các bài báo khoa học hoặc báo cáo (theo như ý 2 mục II của thông báo tuyển sinh này) đã công bố gồm trang bìa tạp chí, trang mục lục và các trang toàn bài (thí sinh chuẩn bị thêm 05 bộ nộp cho Tiểu ban xét tuyển khi bảo vệ đề cương nghiên cứu tại hội đồng).	X	X
11	Một bản đề cương nghiên cứu (thí sinh chuẩn bị thêm 05 bản đề cương nộp cho Tiểu ban xét tuyển khi bảo vệ đề cương nghiên cứu).	X	X
12	Bản sao có công chứng về văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ.	X	X
13	Ba phong bì, ghi rõ người gửi: Phòng SĐH Trường ĐHSP Hà Nội và địa chỉ cần gửi đến cho thí sinh (bao gồm cả số điện thoại di động của thí sinh).	X	X
14	02 ảnh thẻ (4x6).	X	X

II. Học phí đào tạo nghiên cứu sinh :

Nghiên cứu sinh nộp kinh phí đào tạo theo chuyên ngành thuộc khối ngành đào tạo như Phụ lục 1 và theo định mức thu như sau:

ĐỊNH MỨC THU KINH PHÍ ĐÀO TẠO NCS K42

Khóa	Khối ngành	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2026-2026	Tổng cộng
Khóa 42 (2022-2025)	Khối ngành I	31,250,000	35,250,000	39,750,000	44,750,000	151,000,000
	Khối ngành IV	33,750,000	38,000,000	42,750,000	48,250,000	162,750,000
	Khối ngành V	36,250,000	41,000,000	46,250,000	52,250,000	175,750,000
	Khối ngành VII	30,000,000	37,500,000	42,250,000	47,750,000	157,500,000

- Học phí năm học thứ nhất (năm học 2022-2023) NCS nộp theo hình thức sau:

Hình thức nộp tiền: Chuyển khoản

Tên tài khoản: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Số tài khoản: 1507201068820

Tại ngân hàng: Agribank Chi nhánh Cầu Giấy

Cú pháp: Họ tên, chuyên ngành, học phí NCSK42 D1, số điện thoại

Ví dụ: Nguyễn Văn A, Toán giải tích, học phí NCSK42 D2, 09xxxxxxxx.

- NCS có thời gian đào tạo 03 năm nộp học phí đến hết năm thứ 3 (2022-2025).

- NCS có thời gian đào tạo 04 năm nộp học phí đến hết năm thứ 4 (2022-2026).

- Học phí đối với NCS quá hạn: Thực hiện theo Quy định 674b/ĐHSPHN-SĐH-KHTC ngày 18/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Nghiên cứu sinh bảo vệ luận án đúng hạn là khi NCS bảo vệ thành công luận án cấp trường trong thời gian đăng ký đào tạo.

Lưu ý:

* Học phí các năm học tiếp theo, NCS nộp tại Phòng Kế hoạch - Tài chính vào tháng 11 hàng năm.

III. Thủ tục làm thẻ học viên và công thông tin nộp hồ sơ bảo vệ luận án:

- Để làm thẻ học viên cũng là thẻ bạn đọc tại Trung tâm Thông tin thư viện của Nhà trường, NCS cần gửi 01 ảnh thẻ kích thước (4x6) và kèm theo thông tin: Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, chuyên ngành dự tuyển, khóa học, số điện thoại di động về chỉ email: buitienlong@hnue.edu.vn.

Ví dụ: Nguyễn Văn A, 11-10-1991, Hà Nội, Toán giải tích, K42, 09xxxxxxxx

- Thông tin về tài liệu dành cho NCS, truy cập theo đường dẫn:

<http://lib.hnue.edu.vn/Tintuc/tabid/333/Category/2/News/57/Default.aspx/>

- Thông tin về đào tạo, quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Nhà trường được đăng tải trên website: <http://sdh.hnue.edu.vn>.

- Công thông tin nộp hồ sơ trực tuyến bảo vệ Bài luận tổng quan, Ba chuyên đề cấp tiến sĩ và luận án, NCS truy cập vào website: <http://ncs.hnue.edu.vn> và làm theo hướng dẫn.

IV. Gặp gỡ Khoa, Bộ môn chuyên môn và Cán bộ hướng dẫn khoa học:

Khoa đào tạo sẽ tổ chức gặp gỡ giữa Ban chủ nhiệm khoa, Trưởng các bộ môn với NCS khóa 42 năm 2022 và cán bộ hướng dẫn khoa học, thời gian dự kiến vào tháng 12 năm 2022, cụ thể sẽ được thông báo sau qua email cá nhân của nghiên cứu sinh.

Lưu ý:

* Sau 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ nhập học (theo dấu bưu điện) nếu NCS không hoàn thành thủ tục nhập học và không liên hệ với cơ sở đào tạo sẽ được xem như NCS đó không đăng kí theo khóa học.

V. Hình thức nộp hồ sơ nhập học :

Hồ sơ nhập học của NCS ở **mục I** của thông báo này, được gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: **Phòng Sau đại học (P.406) Trường ĐHSP Hà Nội, số 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, điện thoại: 0982004689.**

Thông tin chi tiết liên hệ:

- Về đào tạo: Phòng Sau đại học 0243.7547198.

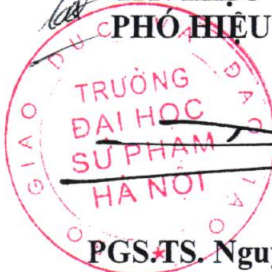
- Về học phí: Phòng KH - TC 0243.7547823 (Số máy lẻ: 3152).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám hiệu;
- Phòng KHTC (để phối hợp);
- Lưu: VT, SĐH.

STT:

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM 2022()**

(Dùng cho hồ sơ nộp sau khi trúng tuyển)

1. Họ và tên thí sinh^(*): ; 2. Giới tính: Nam ☐ Nữ: ☐
3. Sinh ngày.....tháng.....năm..... ; Nơi sinh:(*Tỉnh mới*).....
4. Thông tin CMND/ thẻ CCCD: Số CMND/ thẻ CCCD:.....
Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....; Quận/huyện:.....
Xã/Phường:..... (Thí sinh khai thông tin mục 4 theo thông tin của CMND/ thẻ CCCD).
5. Địa chỉ liên lạc:.....
6. Số điện thoại di động: Email:.....
7. Nghề nghiệp bản thân hiện nay: Giảng viên ☐ Nghiên cứu viên ☐ Khác ☐
8. Cơ quan công tác hiện nay:.....
9. Năm bắt đầu công tác:..... hiện là cán bộ: Biên chế ☐ Hợp đồng ☐
10. Vị trí công việc hiện tại:.....
11. Thâm niên nghề nghiệp (số năm công tác trong lĩnh vực ngành ĐKDT):.....
12. Chuyên môn:
13. Văn bằng đại học: Trường tốt nghiệp (TN):.....
Năm TN:..... Hệ đào tạo:..... Ngành TN:.....
Điểm TB:..... Loại TN:
14. Văn bằng Thạc sĩ: Trường tốt nghiệp (TN):.....
Năm TN:..... Hệ đào tạo:..... Ngành TN:.....
Điểm TB:.....
15. Ngoại ngữ: Tiếng; Loại văn bằng (chứng chỉ):
16. Bổ túc kiến thức (nếu có):.....
17. Chuyên ngành dự tuyển:.....Mã số:.....
18. Đối tượng dự tuyển: Cơ quan cử ☐ Thí sinh tự do ☐
19. Đối tượng đào tạo: Không theo đề án ☐ Theo đề án 89 ☐
20. Thời gian và hình thức đào tạo (*theo mục III của Thông báo tuyển sinh*):
* Thời gian đào tạo đối với người có bằng thạc sĩ
- Chính quy tập trung 3 năm (36 tháng) ☐
* Thời gian đào tạo đối với người chưa có bằng thạc sĩ
- Chính quy tập trung 4 năm (48 tháng) ☐
- Ghi chú (*): **Họ và tên viết chữ in hoa có dấu.**

....., ngày.....tháng.....năm 202.....

Người viết

(ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 1 – BẢNG TRA CỨU KHỐI NGÀNH ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH

TT	Khối Ngành	Khoa	Chuyên ngành	Nhóm ngành
1	I	Toán - Tin	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	KHGD
2		Vật lý	Lý luận và PPDH bộ môn Vật lý	KHGD
3		Hoá học	Lý luận và PPDH bộ môn Hoá học	KHGD
4		Sinh học	Lý luận và PPDH bộ môn Sinh học	KHGD
5		Địa lý	Lý luận và PPDH bộ môn Địa lý	KHGD
6		Sư phạm kĩ thuật	Lý luận và PPDH bộ môn Kỹ thuật công nghiệp	KHGD
7		Ngữ văn	Lý luận và PPDH bộ môn Văn và tiếng Việt	KHGD
8		Lịch sử	Lý luận và PPDH bộ môn Lịch sử	KHGD
9		Tâm lý Giáo dục	Lý luận và lịch sử giáo dục	KHGD
10		Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục	KHGD
11		Giáo dục chính trị	Lý luận và PPDH bộ môn Giáo dục Chính trị	KHGD
12		Giáo dục Tiểu học	Lý luận và PPDH Tiểu học	KHGD
13		Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	KHGD
14		Giáo dục đặc biệt	Giáo dục đặc biệt	KHGD
15		Công nghệ thông tin	LL&PPDH bộ môn Tin học	KHGD
16	IV	Vật lý	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	KHTN
17		Vật lý	Vật lý chất rắn	KHTN
18		Hoá học	Hoá học vô cơ	KHTN
19		Hoá học	Hoá học hữu cơ	KHTN
20		Hoá học	Hoá phân tích	KHTN
21		Hoá học	Hoá lý thuyết và hoá lý	KHTN
22		Sinh học	Động vật học	KHTN
23		Sinh học	Sinh lí học thực vật	KHTN
24		Sinh học	Vi sinh vật học	KHTN
25		Sinh học	Sinh thái học	KHTN
26		Sinh học	Di truyền học	KHTN
27		Địa lý	Địa lý tự nhiên	KHTN
28	V	Toán - Tin	Toán giải tích	KHTN
29		Toán - Tin	Phương trình vi phân và tích phân	KHTN
30		Toán - Tin	Đại số và lý thuyết số	KHTN
31		Toán - Tin	Hình học và Tô pô	KHTN
32		Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính	KHTN
33	VII	Địa lý	Địa lý học	KHXXH
34		Ngữ văn	Lý luận ngôn ngữ	KHXXH
35		Ngữ văn	Lý luận văn học	KHXXH
36		Ngữ văn	Văn học Việt Nam	KHXXH
37		Ngữ văn	Văn học dân gian	KHXXH
38		Ngữ văn	Hán Nôm	KHXXH
39		Ngữ văn	Văn học Nước ngoài	KHXXH
40		Lịch sử	Lịch sử thế giới	KHXXH
41		Lịch sử	Lịch sử Việt Nam	KHXXH
42		Tâm lý Giáo dục	Tâm lý học chuyên ngành	KHXXH
43		Triết học	Triết học	KHXXH